

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN**  
**NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)			Tỷ lệ đã cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH (06 TTHC)</b>					
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp (04 TTHC)</b>					
<b>1</b>	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế					Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
1.1	<i>Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa</i>	30	6	24	20%	
1.2	<i>Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa</i>	45	11	34	24,4%	
<b>2</b>	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn)	30	5	25	16,7%	
<b>3</b>	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ					Quyết định số 835/QĐ-UBND, ngày 14/5/2022
3.1	<i>Trường hợp không phải xác minh</i>	6	2	4	33,3%	
3.2	<i>Trường hợp phải xác minh</i>	14	4	10	28,6%	
<b>4</b>	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES					Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2022
4.1	<i>Trường hợp không cần kiểm tra thực tế</i>	5	1	4	20%	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)			Tỷ lệ đã cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
4.2	<p><i>Trường hợp cần kiểm tra thực tế đối với loài nuôi, trồng là loài lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại cơ sở thuộc các nhóm sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loài động vật hoang dã không phải là loài thuộc phụ lục II, III cites thuộc các lớp chim, thú, bò sát; Các loài thủy sản nguy cấp quý hiếm nhóm II và loài thủy sản hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III cites</li> <li>- Loài thực vật rừng nguy cấp quý, hiếm nhóm II và thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III cites</li> </ul>	30	22	8	73,3%	
4.3	<p><i>Trường hợp cần kiểm tra thực tế đối với loài nuôi là loài thuộc Phụ lục II và III CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở (Tổng thời gian thực hiện theo quy định là 30 ngày, trong đó có 15 ngày làm việc của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam)</i></p>	15	7	8	46,7%	
<b>II Lĩnh vực Thú y (02 TTHC)</b>						
<b>5</b>	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật					Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 30/ 3/2023
5.1	<i>Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định 30 ngày</i>	30	14	16	46,7%	
5.2	<i>Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục</i>	35	14	21	40%	
<b>6</b>	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật					Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 30/ 3/2023
6.1	<i>Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định</i>	20	5	15	25%	
6.2	<i>Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định</i>	25	5	20	20%	
<b>Tổng cộng A (cấp tỉnh)</b>		<b>285</b>	<b>96</b>	<b>189</b>	<b>33,7%</b>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)			Tỷ lệ đã cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN (04 TTHC)</b>					
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp (02 TTHC)</b>					
1	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	10	5	5	50%	Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 30/3/2023
2	Xác nhận bảng kê lâm sản ( <i>Trường hợp phải xác minh</i> )	8	2	6	25%	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)</b>					
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	40	12	28	30%	Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 15/12/2020
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi (01 TTHC)</b>					
3	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	20	6	14	30%	
<b>Tổng cộng B (cấp huyện)</b>		<b>78</b>	<b>25</b>	<b>53</b>	<b>32%</b>	
<b>C</b>	<b>CẤP XÃ ( 08 TTHC)</b>					
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)</b>					
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	40	12	28	30%	Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 15/12/2020
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)</b>					
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	5	2	3	40%	Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 15/12/2020
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi (01 TTHC)</b>					
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	6	2	4	33,3%	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)			Tỷ lệ đã cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
<b>IV Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai (05 TTHC)</b>						
4	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25	13	12	52%	Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 15/4/2022
5	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	30	16	14	53,3%	
6	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	5	1	4	20%	Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 15/12 /2020
7	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15	5	10	33,3%	
8	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	15	5	10	33,3%	
<b>Tổng cộng C (cấp xã)</b>		<b>141</b>	<b>56</b>	<b>85</b>	<b>39,7%</b>	
<b>Tổng các cấp (tỉnh, huyện, xã)</b>		<b>504</b>	<b>177</b>	<b>327</b>	<b>35%</b>	

**Ghi chú:**

Đối với TTHC quy định nhiều trường hợp:

+ Thời gian thực hiện theo quy định của TTHC là trung bình cộng thời gian thực hiện của tất cả các trường hợp của TTHC đó;

+ Thời gian cắt giảm của TTHC là trung bình cộng thời gian cắt giảm của tất cả các trường hợp của TTHC đó.